Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 24.11.2020 10:42:45 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2922 /KH-UBND	*Tây Ninh, ngày 23 tháng 11 năm 2020*

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Thực hiện Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch Triển khai thực hiện Quyết định số 1055/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm giảm thiểu tính dễ bị tổn thương và rủi ro trước những tác động của biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường khả năng chống chịu, năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.

2. Yêu cầu

- Nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, trong đó có hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.

- Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu.

- Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch.

Thích ứng với biến đổi khí hậu đã được triển khai thực hiện trong khuôn khổ của chiến lược; kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu; các chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu; các đề án, dự án của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, hoàn thiện các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch liên quan đến biến đổi khí hậu và thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch là cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu. Các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể bao gồm:

a) Xây dựng, hoàn thiện các quy định pháp luật ở địa phương dựa trên khung pháp lý quốc gia về biến đổi khí hậu.

b) Rà soát, cập nhật và xây dựng mới các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành trên cơ sở kịch bản biến đổi khí hậu và đánh giá tác động của biến đổi khí hậu.

c) Thúc đẩy việc lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch thông qua việc xây dựng và ban hành các hướng dẫn về lồng ghép; đánh giá lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong hệ thống chiến lược, quy hoạch; lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu với giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

d) Giám sát và đánh giá nhằm nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu, bao gồm việc ban hành các bộ tiêu chí: đánh giá rủi ro khí hậu; xác định các dự án, nhiệm vụ thích ứng với biến đổi khí hậu; đánh giá hiệu quả của các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu. Trên cơ sở đó thiết lập và vận hành hệ thống giám sát và đánh giá đối với các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích về đảm bảo phòng chống thiên tai, giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về kinh tế, xã hội, môi trường; định kỳ cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu theo các báo cáo của Ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC); xây dựng các kịch bản về tác động, tổn thất và thiệt hại trên địa bàn tỉnh; thiết lập và vận hành cơ sở dữ liệu về biến đổi khí hậu và công cụ hỗ trợ công tác quản lý về biến đổi khí hậu; xây dựng các cơ chế, chính sách, huy động và phân bổ nguồn lực về tài chính nhằm khuyến khích và thu hút đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái thông qua việc đầu tư cho các hành động thích ứng, khoa học và công nghệ, nâng cao nhận thức để sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu

a) Cải tạo cơ sở hạ tầng nhằm tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu của các ngành, các lĩnh vực:

- Quản lý hiệu quả tài nguyên nước; giám sát và bảo vệ tài nguyên nước; nâng cao khả năng trữ nước và hiệu quả sử dụng nước trong điều kiện biến đổi khí hậu, ưu tiên cho các vùng có nguy cơ hạn hán, thiếu nước, chịu tác động bất lợi của xâm nhập mặn.

- Triển khai, nhân rộng các mô hình xen canh nông nghiệp phù hợp với điều kiện hạn, mặn; mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh và thị trường theo vùng miền; phòng, chống dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản; phát triển, nhân rộng các giống cây trồng và vật

nuôi; tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả cao; cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản.

- Nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

- Nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị và các điểm dân cư tập trung, khu công nghiệp, khu tái định cư; chống ngập cho đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng; phát triển và xây dựng nhà an toàn đối với thiên tai, cực đoan khí hậu và nước biển dâng; ứng dụng công nghệ, vật liệu mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị.

- Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng của ngành công nghiệp, năng lượng và thương mại, các cơ sở sản xuất công nghiệp gắn với triển khai đồng bộ các biện pháp bảo vệ môi trường, sử dụng, khai thác hợp lý, có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên tại khu vực dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

- Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do biến đổi khí hậu, đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường; thực hiện các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh gia tăng do biến đổi khí hậu; tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ; xây dựng và nhân rộng các mô hình nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu của ngành y tế và sức khỏe cộng đồng.

- Duy tu, bảo tồn và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình di tích lịch sử văn hóa nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu.

b) Nâng cao khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu thông qua tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

c) Phát triển và nhân rộng các mô hình thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong giám sát, bảo tồn và quản lý đa dạng sinh học.

d) Quản lý bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng; tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác phát triển rừng trồng nhằm cải thiện sinh kế và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp.

đ) Nâng cao nhận thức, kiến thức về biến đổi khí hậu và thiên tai của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng; tăng cường năng lực, phát triển nguồn nhân lực nữ, thúc đẩy bình đẳng giới trong thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tập trung vào công nghệ mới, công nghệ tiên tiến trong thích ứng với biến đổi khí hậu.

3. Giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng do biến đổi khí hậu

a) Sẵn sàng ứng phó với các hiểm họa do biến đổi khí hậu thông qua việc tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo, truyền tin về thiên tai và khí hậu cực đoan.

b) Đảm bảo an toàn cho hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai nhằm chủ động ứng phó với thiên tai có xu hướng gia tăng cả về tần suất và cường độ.

c) Cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai, triển khai công tác xác định, phân vùng và dự báo cấp độ rủi ro thiên tai; tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc đẩy giảm nhẹ rủi ro thiên tai, chú trọng giải pháp quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng, phát huy tri thức địa phương trong phòng tránh thiên tai nhằm giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương và tăng mức độ sẵn sàng ứng phó với các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan.

d) Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai dưới tác động ngắn hạn, trung hạn và dài hạn liên quan đến biến đổi khí hậu thông qua việc triển khai các giải pháp phòng chống thiên tai kịp thời và hiệu quả, chú trọng các vùng có nguy cơ cao chịu ảnh hưởng của bão, lũ, ngập lụt.

đ) Chống sạt lở bờ sông; đối phó với hiện tượng hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng; giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại do tác động của biến đổi khí hậu.

III. PHÂN KỲ THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2021 - 2025

Giai đoạn 2021 - 2025 tập trung hoàn thiện cơ chế chính sách thích ứng với biến đổi khí hậu; chuẩn bị cơ sở pháp lý và điều kiện kỹ thuật nhằm thúc đẩy lồng ghép nội dung biến đổi khí hậu vào các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch; triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên thích ứng với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai và những diễn biến bất thường của khí hậu, thời tiết. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong giai đoạn 2021 - 2025 bao gồm:

a) Rà soát, cập nhật và xây dựng mới các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu; thúc đẩy lồng ghép thích ứng biến đổi khí hậu vào hệ thống chiến lược, quy hoạch; giám sát và đánh giá hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Triển khai, nhân rộng các mô hình canh tác nông nghiệp xen canh thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp; phát triển và nhân rộng các giống cây trồng, vật nuôi, các mô hình trồng trọt và chăn nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

c) Quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học; đẩy mạnh các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng.

d) Giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo, cảnh báo và chuyển tải thông tin về thiên tai; tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình phòng tránh thiên tai; triển khai kịp thời và hiệu quả các giải pháp phòng chống thiên tai liên quan đến bão, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất; chống ngập cho các thành phố và các điểm dân cư tập trung; phòng, chống sạt lở bờ sông, hạn hán,

xâm nhập mặn; nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng; nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông tại các khu vực có rủi ro thiên tai cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu.

đ) Tăng cường nguồn lực cho thích ứng với biến đổi khí hậu bao gồm các chương trình, các khóa đào tạo tập huấn; nghiên cứu khoa học về thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai các đề án phát triển nguồn nhân lực; thu hút đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hợp tác quốc tế.

2. Giai đoạn 2026 - 2030

Trong giai đoạn 2026 - 2030 tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, phối hợp, lồng ghép các hoạt động trong triển khai các nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao năng lực của các ngành, lĩnh vực, các thành phần kinh tế, cộng đồng và hệ sinh thái để tăng cường khả năng chống chịu, sẵn sàng điều chỉnh trước những thay đổi của khí hậu. Tiếp tục nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng, khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên, đa dạng sinh học; tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu. Thúc đẩy các hành động thích ứng mang lại đồng lợi ích trong giảm nhẹ rủi ro do biến đổi khí hậu và hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội, môi trường. Xác định các giải pháp giảm thiểu tác động và tận dụng cơ hội cho phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Giai đoạn sau năm 2030 cho đến năm 2050 sẽ phát huy kết quả đạt được của giai đoạn 2021 - 2030, tiếp tục tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của con người, cơ sở hạ tầng và các hệ thống tự nhiên, nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, phát triển bền vững quốc gia trong bối cảnh biến đổi khí hậu và an toàn trước thiên tai. Thực hiện lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu trong tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội nhằm chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, tận dụng các cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp tích cực với cộng đồng quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ hệ thống khí hậu trái đất.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Nguồn ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển) theo phân cấp hiện hành theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác.

3. Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xả, thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo và kiến nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường các biện pháp cần thiết để đảm bảo thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời báo cáo và tham mưu UBND tỉnh những giải pháp để giải quyết những bất cập, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện trên địa bàn tỉnh, bảo đảm việc triển khai Kế hoạch đúng tiến độ, mang lại hiệu quả thiết thực.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, tổng hợp các dự án đầu tư vào kế hoạch đầu tư công trung hạn theo các giai đoạn trên cơ sở danh mục dự án của các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất trình cấp có thẩm quyền theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

- Phối hợp với các sở, ngành và cơ quan liên quan rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bảo đảm lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu, tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch; xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư cho các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Triển khai thực hiện Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ngành cân đối bố trí kinh phí chi thường xuyên hàng năm từ ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch.

4. Các Sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chủ động triển khai các nội dung công việc được phân công trong bảng danh mục nhiệm vụ kèm theo; tập trung huy động và bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

- Rà soát các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và địa phương để lồng ghép với các hoạt động của Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo tính liên kết đồng bộ giữa các quy hoạch, kế hoạch.

- Vận động, thu hút sự tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện cho các tổ chức tài chính, các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện Kế hoạch.

- Giám sát, tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình triển khai thực hiện các nội dung công việc được phân công.

- Đề xuất với UBND tỉnh những biện pháp nhằm tối ưu hóa việc thực hiện Kế hoạch và những điều chỉnh cần thiết đối với Kế hoạch trong giai đoạn sau.

- Định kỳ hằng năm báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ đang triển khai, kết quả các nhiệm vụ đã hoàn thành, các nhiệm vụ chưa hoàn thành so với tiến độ thời gian yêu cầu và nguyên nhân, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Căn cứ Kế hoạch thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố được giao các nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện. Xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí từng nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí theo quy định. Các nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ thường xuyên của các Sở, ngành, địa phương cần được bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hằng năm để triển khai thực hiện./.

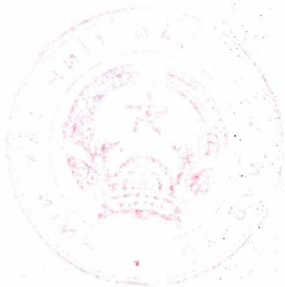
Nơi nhận:
- Bộ TN&MT;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội;
- Các tổ chức đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Tây Ninh, Đài PTTH TN;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh

20

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Trần Văn Chiến



PHỤ LỤC
CÁC NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Kế hoạch số 2922 /KH-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2020 của UBND tỉnh)

A. Tăng cường công tác quản lý nhà nước và nguồn lực

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030
I	**Tuyên truyền, nâng cao nhận thức**					
1	Nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu	Nâng cao nhận thức, tăng cường năng lực, kiến thức của các cấp chính quyền, tổ chức xã hội và cộng đồng địa phương về biến đổi khí hậu và thiên tai	Nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai	Sở TNMT, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành và tổng kết, đánh giá	Mở rộng Chương trình cho giai đoạn 2026-2030
II	**Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ**					
1	Phát triển khoa học công nghệ	Tăng cường nghiên cứu khoa học và công nghệ về thích ứng với biến đổi khí hậu	Tổ chức thực hiện các nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới trong thích ứng biến đổi khí hậu	Sở KHCN, Sở TNMT	2025: Hoàn thành các nghiên cứu giai đoạn 2021-2025	2030: Hoàn thành các nghiên cứu giai đoạn 2026-2030

B. Lĩnh vực nông nghiệp

STT		Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
						Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	1.1	Tăng cường khả năng chống chịu	Nâng cao năng lực nhằm tăng khả năng chống chịu	Tập huấn, nâng cao năng lực cho nông dân và các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố về phát	Sở NN và PTNT	2022: Kế hoạch, nội dung tập huấn được	

		với biến đổi khí hậu ngành nông nghiệp thông qua hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật; đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực	và giảm mức độ tổn thương với biến đổi khí hậu	triển, lựa chọn và ứng dụng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực nông nghiệp		phê duyệt; 2025: Hoàn thành tập huấn cho các vùng, miền	
	1.2			Phát triển liên kết vùng trong thực hiện các hoạt động thích ứng đối với các tiểu ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp	Sở NN và PTNT	2022: Cơ chế liên kết vùng đối với các tiểu ngành được ban hành; 2023-2025: Triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá	
	1.3			Tăng cường hoạt động của hệ thống giám sát, cảnh báo thiên tai, rủi ro do biến đổi khí hậu đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện, tổng kết, đánh giá	
	1.4			Khai thác tổng hợp tiềm năng và phát huy lợi thế các công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các công trình trọng điểm	Nhân rộng, hoàn thành và tổng kết, đánh giá
2	*2.1*	Điều chỉnh kế hoạch canh tác, bố trí hợp lý cơ cấu mùa vụ và nhân rộng các mô	Triển khai, nhân rộng các mô hình xen canh thích ứng biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện hạn,	Nhân rộng các mô hình canh tác lúa cải tiến (SRI); canh tác ngô xen đậu (IMB), sắn với lạc, đậu (ICB); mô hình thâm canh cây ăn quả theo VietGAP (VGP) thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

	2.2	hình nhằm tăng cường hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, thích ứng với biến đổi khí hậu	mặn	Ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ cao, cơ giới hoá, tự động hoá và các quy trình canh tác tiên tiến, thâm canh bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng sinh thái	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	2.3			Hỗ trợ ứng dụng giải pháp nông lâm kết hợp cho việc phát triển cây ăn quả, nhằm nâng cao sinh kế và khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân	Sở NN và PTNT	2025: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	
	2.4			Nhân rộng mô hình canh tác các giống cây trồng, phương pháp xen canh, thâm canh thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	2.5		Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp	Đánh giá hiệu quả đất trồng lúa và chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang các cây ăn quả, rau màu, mô hình canh tác hỗn hợp (lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, lúa - rau màu, cây ăn quả, cây thức ăn chăn nuôi) có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với từng vùng sinh thái	Sở NN và PTNT	Báo cáo đánh giá được công bố	
	2.6		Bố trí cơ cấu mùa vụ, cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu	Xác định cơ cấu mùa vụ thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	Cơ cấu mùa vụ cho các vùng nông nghiệp được xác định	
	2.7			Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế so sánh, thị trường	Sở NN và	2021: Đề án được	Mở rộng quy mô, tổng kết,

			theo vùng miền	và thích ứng với biến đổi khí hậu theo vùng miền (nông lâm kết hợp, nông nghiệp thủy sản, ưu tiên cho sản xuất hàng hoá, quy mô lớn, sản xuất theo chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng)	PTNT	phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	đánh giá
3	*3.1*	Tăng cường khả năng chống chịu của cây trồng đối với các loại dịch bệnh	Phát triển và nhân rộng các giống cây trồng có khả năng chống chịu sâu bệnh	Xây dựng các mô hình sản xuất tiên tiến (áp dụng đồng bộ hệ thống tưới, quản lý dinh dưỡng tổng hợp, sử dụng cây giống sạch bệnh, giống có lợi thế xuất khẩu, quản lý thâm canh và sử dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh thân thiện với môi trường)	Sở NN và PTNT	Các mô hình được thí điểm trên diện rộng và đánh giá	
4	*4.1*	Nâng cao khả năng phòng chống dịch bệnh cho các giống vật nuôi trước thay đổi của khí hậu	Triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, sử dụng các giống vật nuôi có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	Tăng cường các hoạt động kiểm soát dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, cải tiến các dịch vụ thú y để phát triển chăn nuôi bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu và khai thác lợi thế vùng sinh thái	Sở NN và PTNT	Các hoạt động kiểm soát và dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn Sở quá trình chăn nuôi	
	4.2			Nhân rộng mô hình sử dụng các giống gia cầm, thủy cầm địa phương có khả năng chống chịu cao (LCT) thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	4.3			Chuyển dịch chăn nuôi phân tán, nhỏ lẻ sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, được đầu tư đồng bộ về hệ thống chuồng nuôi và môi	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

				trường, áp dụng công nghệ chăn nuôi tiên tiến để nâng cao khả năng thích ứng và giá trị gia tăng		vùng	
	4.4		Triển khai, nhân rộng các mô hình chăn nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu	Nhân rộng mô hình chăn nuôi cải tiến chuồng trại và ứng dụng công nghệ cao thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	4.5			Phát triển các mô hình liên kết trong chăn nuôi từ khâu cải tiến giống vật nuôi, công nghệ chăn nuôi, thị trường tiêu thụ (trong nước, hướng đến xuất khẩu) và xử lý chất thải phù hợp với điều kiện sinh thái	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	4.6			Triển khai ứng dụng các mô hình tổng hợp theo chuỗi giá trị (chăn nuôi công nghệ cao, an toàn sinh học, chăn nuôi kết hợp sản xuất năng lượng (IFES), chăn nuôi dựa trên sinh thái (AEbA), chăn nuôi theo VietGAP, chăn nuôi thông minh với khí hậu (CSA)	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	4.7			Nhân rộng mô hình sử dụng thức ăn xanh cho chăn nuôi bò và gia súc nhai lại khác (GFC) thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	Mô hình được áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi và tổng kết, đánh giá	
5	*5.1*	Đảm bảo hiệu quả đánh bắt và nuôi trồng thủy sản	Tăng cường các hình thức đánh bắt và nuôi trồng thủy sản đạt hiệu quả	Nhân rộng mô hình nuôi trồng thủy sản hỗn hợp đa loài, đa tầng (IAQ), an toàn sinh học (BSS) thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	Mô hình được áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi và tổng kết, đánh giá	

	5.2	thông qua việc cải tiến phương pháp, kỹ thuật và cải thiện cơ sở hạ tầng ngành thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu	cao có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu	Nhân rộng mô hình tôm lúa hỗn hợp (MRS) thích ứng với biến đổi khí hậu ở những vùng có hệ thống thuỷ lợi hoàn chỉnh	Sở NN và PTNT	Mô hình được áp dụng cho các cơ sở chăn nuôi và tổng kết, đánh giá	
	5.3			Phát triển các mô hình liên kết theo chuỗi trong nuôi trồng thủy sản từ khâu cải tiến giống, thức ăn, công nghệ ao nuôi, kiểm soát dịch bệnh, phát triển thị trường và xử lý môi trường ao nuôi	Sở NN và PTNT	2021-2025: Chuẩn bị cơ sở kỹ thuật và quản lý cho việc xây dựng Đề án	2026: Phê duyệt Đề án 2027-2030: Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	5.4		Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nghề cá	Phát triển các loài nuôi mới có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu, các công nghệ nuôi phù hợp với từng vùng sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	Triển khai thí điểm	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	5.5		Triển khai, đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh cho thủy sản	Tăng cường các dịch vụ thú y thủy sản, kiểm soát chặt chẽ, dự báo, cảnh báo kịp thời dịch bệnh, môi trường và thời tiết cực đoan nhằm giảm thiểu rủi ro đối với nuôi trồng thủy sản	Sở NN và PTNT	Các hoạt động kiểm soát và dịch vụ thú y được áp dụng trong toàn Sở quá trình nuôi trồng thủy sản	
6	*6.1*	Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và nâng cao chất lượng rừng thích ứng với	Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng	Triển khai các giải pháp phòng chống cháy rừng, quản lý sâu, bệnh hại rừng và bảo tồn đa dạng sinh học rừng	Sở NN và PTNT	Các giải pháp được thí điểm, đánh giá và triển khai	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	6.2		Phát triển, nâng cao chất lượng	Xây dựng và triển khai các dự án nhằm tăng cường quản lý bảo vệ	Sở NN và PTNT	2021: Đề án được phê duyệt;	Mở rộng quy mô, tổng kết,

		điều kiện khí hậu thay đổi	rừng thông qua các giải pháp tái sinh, phục hồi rừng, làm giàu rừng, thay đổi cơ cấu cây trồng	rừng và nâng cao chất lượng rừng		2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	đánh giá
	6.3			Nghiên cứu chọn tạo và phát triển các loại cây rừng mới có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu tại các vùng sinh thái nhằm giảm nguy cơ mất rừng và suy thoái rừng	Sở NN và PTNT	Giống cây mới được chọn tạo, thí điểm và đánh giá	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
7	*7.1*	Tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong công tác phát triển rừng thông qua tăng cường sinh kế và cơ hội việc làm trong lâm nghiệp	Hỗ trợ, khuyến khích cộng đồng tham gia phát triển lâm nghiệp bền vững	Hỗ trợ phát triển mô hình sinh kế cộng đồng dựa vào rừng theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT	Mô hình được thí điểm, triển khai và đánh giá	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	7.2			Thực thi cơ chế khuyến khích tham gia REDD+ trong quản lý rừng và đất lâm nghiệp	Sở NN và PTNT	Cơ chế khuyến khích được thực thi và đánh giá	

C. Phòng chống thiên tai

STT		**Nhu cầu thích ứng**	**Mục tiêu cần đạt**	**Nhiệm vụ**	**Cơ quan chủ trì**	**Kết quả theo giai đoạn**	
						Đến năm 2025	**Đến năm 2030**
1	1.1	Nâng cao mức độ sẵn sàng ứng phó với các hiểm họa do biến	Tăng cường năng lực giám sát biến đổi khí hậu, quan trắc KTTV, dự báo, cảnh báo,	Xây dựng hệ thống giám sát biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên toàn lãnh thổ Việt Nam	Sở TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai và hoàn thành Đề án	Duy trì hoạt động của hệ thống

	1.2	đổi khí hậu	truyền tin thiên tai để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Hiện đại hóa hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn và giám sát xâm nhập mặn	Sở TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai Đề án	Duy trì hoạt động của hệ thống
	1.3			Hiện đại hóa công nghệ dự báo khí tượng thủy văn; dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan	Sở TNMT	2021: Dự án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai Dự án	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
	1.4			Tăng cường năng lực truyền tin thiên tai, đảm bảo truyền, phát thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời phục vụ phòng tránh thiên tai hiệu quả	Sở TTTT, Sở NN và PTNT, Sở TNMT, Đài PTTH Tây Ninh, Báo Tây Ninh	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai Đề án	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
			Tăng cường mức độ an toàn của hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai	Đầu tư xây dựng hệ thống cảnh báo sớm thiên tai cho các hồ chứa để chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu	Công ty TNHH MTV KTTL Tây Ninh và Dầu Tiếng – Phước Hòa	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành Đề án	
	1.5			Đánh giá mức độ an toàn hệ thống công trình thủy lợi, công trình phòng tránh thiên tai	Sở NN và PTNT; các Sở, nganh và đơn vị liên quan	2022: Báo cáo, đánh giá mức độ an toàn hệ thống công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai theo quy định.	
	1.6			Xây dựng Phương án ứng phó thiên tai, Phương án ứng phó với tình	Công ty TNHH	2021: Đề án được phê duyệt;	

				huống khẩn cấp đối với hồ chứa nước	MTV KTTL tây Ninh và Dầu Tiếng – Phước Hòa	2025: Công bố các bản đồ, phương án phòng chống lũ, lụt do xả lũ và vỡ đập của một số hồ chứa trọng điểm	
	1.7			Đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp đảm bảo an toàn các hồ chứa, hệ thống đê điều, công trình phòng chống thiên tai có nguy cơ tổn thương cao do tác động của biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT, Công ty TNHH MTV KTTL tây Ninh và Dầu Tiếng – Phước Hòa	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
2	2.1	Cải thiện hệ thống quản lý rủi ro thiên tai	Xác định, phân vùng và dự báo cấp độ rủi ro thiên tai	Rà soát, cập nhật phân cấp cấp độ rủi ro thiên tai	Sở TNMT	2022: Phê duyệt việc rà soát, cập nhật cấp độ rủi ro thiên tai	Rà soát, cập nhật phân cấp cấp độ rủi ro thiên tai
	2.2			Phân vùng rủi ro và cảnh báo rủi ro thiên tai phục vụ quy hoạch, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở TNMT	2022: Kết quả phân vùng rủi ro và cảnh báo rủi ro thiên tai được công bố	Phân vùng rủi ro và cảnh báo rủi ro thiên tai phục vụ quy hoạch, chỉ đạo điều hành phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu
	2.3		Tăng cường năng lực, biện pháp quản lý và thúc	Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai; xác định các biện pháp ứng phó thiên tai và khắc phục hậu quả	Sở NN và PTNT	2021: Kế hoạch Phòng, chống thiên tai được phê duyệt;	

			đẩy giảm nhẹ rủi ro thiên tai	thiên tai ở các cấp		2025: Tổng kết, đánh giá	
	2.4			Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng	Sở NN và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
	2.5			Tổng kết, đánh giá, triển khai, nhân rộng mô hình phòng tránh thiên tai dựa vào cộng đồng	Sở NN và PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan	2021: Tổng kết, đánh giá các mô hình; 2022-2025: Triển khai nhân rộng	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
	2.6			Tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Đầu tư thí điểm một số công trình trọng điểm	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá.
3	3.1	Giảm thiểu thiệt hại do thiên tai	Đề xuất các giải pháp nhằm giải quyết vấn đề tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Đánh giá tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Sở TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá

	3.2			Triển khai các giải pháp chia sẻ rủi ro khí hậu, giảm tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu	Sở TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện	Mở rộng quy mô và tổng kết đánh giá
	3.3		Tăng cường các giải pháp chống sụt lún, sạt lở bờ sông	Tăng cường các giải pháp chống sụt lún, sạt lở bờ sông.	Sở NN và PTNT, các Sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai xây dựng các công trình cấp bách	Đầu tư theo lộ trình; Hoàn thành và tổng kết, đánh giá

D. Môi trường và đa dạng sinh học

STT		Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
						Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	1.1	Nâng cao khả năng thích ứng của hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học	Tăng cường công tác quản lý các hệ sinh thái và đa dạng sinh học	Xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro do biến đổi khí hậu đối với các hệ sinh thái tự nhiên	Sở TNMT	2021: Dự án được phê duyệt; 2023: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	
	1.2		Tăng cường khả năng phục hồi của hệ sinh thái tự nhiên và bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học trước tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Xây dựng mô hình bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu vực đa dạng sinh học cao, dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu	Sở TNMT	2022: Dự án được phê duyệt; 2023-2025: Triển khai các mô hình	Mở rộng quy mô
	1.3			Đánh giá nguy cơ và kiểm soát sự xâm hại của các loài ngoại lai dưới tác động của biến đổi khí hậu	Sở TNMT	2023: Dự án được phê duyệt; 2023-2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá

	1.4			Thành lập các khu cứu hộ, bảo tồn ngoại vi, nuôi và nhân giống các loài bị đe dọa	Sở TNMT	2023: Dự án được phê duyệt; 2024-2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá
	1.5			Khôi phục các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái	Sở TNMT	2021: Dự án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá
	1.6		Phát triển các mô hình thích ứng dựa vào hệ sinh thái và dựa vào cộng đồng	Bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái dựa vào cộng đồng và thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó ưu tiên bảo tồn nguồn gen quý, các loài có nguy cơ bị tuyệt chủng và các hệ sinh thái quan trọng	Sở TNMT	2023: Dự án được phê duyệt; 2023-2025: Triển khai thực hiện	Tiếp tục thực hiện; tổng kết, đánh giá
	1.7			Ứng dụng kiến thức của người dân địa phương trong bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học, bảo đảm sinh kế bền vững, ưu tiên cộng đồng dễ bị tổn thương	Sở TNMT	2024: Dự án được phê duyệt	2025-2030: Triển khai thực hiện; tổng kết, đánh giá

Đ. Tài nguyên nước

STT		Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
						Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	1.1	Giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước	Tăng cường công tác giám sát và bảo vệ tài nguyên nước	Hoàn thiện hệ thống quan trắc và giám sát tài nguyên nước	Sở TNMT	2022: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	
	1.2			Khôi phục, phát triển rừng phòng hộ	Sở NN và	2021: Đề án được	Tiếp tục thực

				nhằm bảo vệ nguồn nước, chống xói lở bờ sông	PTNT UBND các huyện, thị xã, thành phố	phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện	hiện; tổng kết, đánh giá
	1.3		Tăng cường khả năng trữ nước và nâng cao hiệu quả sử dụng nước	Điều tra, đánh giá và xây dựng các giải pháp tổng thể về trữ nước dựa vào xu thế tự nhiên của từng khu vực	Sở TNMT	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện	Hoàn thành và tổng kết, đánh giá
	1.4			Phân loại mức độ khan hiếm nước, đề xuất áp dụng các biện pháp tích trữ nước, tiết kiệm nước, hạn chế khai thác, sử dụng nước theo từng cấp độ khan hiếm nước	Sở TNMT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2025: Hoàn thành, tổng kết, đánh giá	
	1.5			Xây dựng, triển khai và nhân rộng các mô hình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả	Sở NN và PTNT, Sở XD, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm	Đúc kết, nhân rộng; tổng kết, đánh giá
	1.6			Xây dựng bổ sung các công trình trữ nước, khai thác, sử dụng nguồn nước trong điều kiện hạn hán gia tăng do biến đổi khí hậu	Sở NN và PTNT UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm	Đúc kết, nhân rộng; tổng kết, đánh giá

E. Cơ sở hạ tầng

STT	Nhu cầu thích ứng	Mục tiêu cần đạt	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Kết quả theo giai đoạn	
					Đến năm 2025	Đến năm 2030

I		**Giao thông vận tải**					
1	1.1	Hoàn thiện các chính sách, hệ thống chiến lược, quy hoạch ngành giao thông vận tải	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách ngành giao thông vận tải nhằm thúc đẩy lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu	Cập nhật, xây dựng các chiến lược, quy hoạch dựa trên kịch bản biến đổi khí hậu có chú trọng đến các ngành và vùng dễ bị tổn thương do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu	Sở GTVT	2022: Các chiến lược, quy hoạch được phê duyệt	
	1.2			Rà soát, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở GTVT	2023: Các tiêu chuẩn, quy chuẩn và hướng dẫn kỹ thuật được cập nhật, hoàn thiện, ban hành	
2	2.1	Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu thông qua các biện pháp cải tạo cơ sở hạ tầng ngành giao thông vận tải	Triển khai các chương trình, dự án nâng cấp, cải tạo các công trình giao thông ở những vùng thường bị đe dọa bởi thiên tai và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu	Nâng cấp, cải tạo, xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy ở những vùng thường bị đe dọa bởi lũ, lụt	Sở GTVT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
II		**Xây dựng, đô thị**					
1	1.1	Hoàn thiện các chính sách, quy hoạch ngành xây dựng và đô thị	Rà soát, xây dựng và hoàn thiện các quy chuẩn, tiêu chuẩn ngành xây	Rà soát, hiệu chỉnh, xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng công trình nhà ở và công trình công cộng cho các vùng thường xuyên bị thiên tai	Sở Xây dựng	2023: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được xây dựng, hoàn thiện, ban hành	

	1.2		dựng và đô thị ứng phó với thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Rà soát, hiệu chỉnh, xây dựng mới các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật cấp, thoát nước và xử lý chất thải rắn phù hợp kịch bản cập nhật của biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Sở Xây dựng	2023: Các quy chuẩn, tiêu chuẩn được ban hành	
	1.3			Rà soát, cập nhật, điều chỉnh văn bản pháp luật của ngành xây dựng liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Xây dựng	2022: Các văn bản pháp luật được cập nhật, điều chỉnh, ban hành	
	1.4			Điều chỉnh quy hoạch xây dựng các vùng liên tỉnh, các khu kinh tế, khu công nghệ cao nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Xây dựng	2023: Quy hoạch điều chỉnh được phê duyệt	
	1.5			Hoàn thiện hướng dẫn kỹ thuật về các giải pháp kỹ thuật xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ứng phó với úng ngập đô thị (san nền, thoát nước, hồ điều hòa, đê bao...)	Sở Xây dựng, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022: Hướng dẫn kỹ thuật được ban hành	
2	2.1	Nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu thông qua các biện pháp cải tạo cơ sở hạ tầng ngành xây dựng và đô thị	Triển khai các chương trình, dự án nhằm nâng cao năng lực chống chịu của hệ thống cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải	Quy hoạch đô thị và sử dụng đất, cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu tái định cư ven biển và hải đảo trên cơ sở kịch bản nước biển dâng	Sở Xây dựng	2023: Quy hoạch được phê duyệt	

			đảo				
	2.2			Đầu tư, bố trí di dời, sắp xếp lại các khu dân cư ở những vùng thường xuyên bị tác động của bão, nước dâng do bão, lũ lụt, xói lở bờ sông, bờ biển hoặc có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở đất	Sở Xây dựng	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	2.3		Triển khai các chương trình, dự án nâng cao năng lực chống ngập lụt đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Thực hiện các giải pháp chống ngập cho các đô thị lớn	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các đô thị trọng điểm	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	2.4			Thực hiện các giải pháp cấp nước hiệu quả ở các khu đô thị, công nghiệp tại các vùng chịu ảnh hưởng trực tiếp của khô hạn, xâm nhập mặn, nước biển dâng	Sở XD, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	2.5		Tiếp tục triển khai các chương trình, dự án phát triển và xây dựng nhà an toàn với thiên tai trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	Xây dựng nhà ở an toàn với bão, lũ cho khu vực đô thị	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	2.6		Ứng dụng công nghệ mới, vật liệu bền vững,	Triển khai các dự án nhằm ứng dụng các công nghệ mới, sử dụng các loại vật liệu bền vững,	Sở Xây dựng, UBND các huyện,	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

			có tính chống chịu cao cho công trình nhà ở đô thị	có tính chống chịu cao với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực xây dựng và đô thị	thị xã, thành phố	khai thí điểm cho các vùng	
III		**Công nghiệp, thương mại và năng lượng**					
1	1.1	Củng cố hệ thống cơ sở hạ tầng ngành công nghiệp, năng lượng nhằm nâng cao năng lực chống chịu với biến đổi khí hậu	Nâng cấp cải tạo các cơ sở, công trình năng lượng tại khu vực ven biển	Quản lý, giám sát việc thực hiện kế hoạch nâng cấp, cải tạo của các nhà máy điện; trạm truyền tải điện; trạm biến áp; hệ thống đường ống dẫn nhiên liệu và các cơ sở năng lượng khác	Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Kế hoạch được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	1.2		Nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về cải thiện chuỗi cung ứng nguyên liệu, đa dạng hoá nguồn cung cấp, nguồn thay thế cho các nguyên vật liệu nhạy cảm với khí hậu	Sở Công Thương	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thực hiện và tổng kết, đánh giá	

G. Sức khỏe cộng đồng, Lao động - xã hội, văn hóa, thể thao, du lịch

STT		**Nhu cầu thích ứng**	**Mục tiêu cần đạt**	**Nhiệm vụ**	**Cơ quan chủ trì**	**Kết quả theo giai đoạn**	
						Đến năm 2025	**Đến năm 2030**
I		**Sức khỏe cộng đồng**					
1	1.1	Nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, giảm tính dễ bị tổn thương trước những tác động của biến đổi khí hậu	Triển khai các Dự án đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế và sức khỏe cộng đồng	Phát triển mạng lưới y tế, chăm sóc sức khỏe đáp ứng yêu cầu về phòng chống dịch, bệnh và các bệnh mới phát sinh do tác động của biến đổi khí hậu	Sở Y tế, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	1.2			Phát triển hạ tầng cơ sở đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường tốt,	Sở Y tế, các Sở, ngành	2021: Đề án được phê duyệt;	Mở rộng quy mô, tổng kết,

				thực hiện các giải pháp về công nghệ, trang thiết bị trong dự phòng và điều trị các bệnh liên quan đến biến đổi khí hậu	liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	đánh giá
	1.3			Tăng cường hệ thống giám sát và cảnh báo sớm các tác động của biến đổi khí hậu đến sức khoẻ	Sở Y tế, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	1.4		Triển khai, xây dựng và nhân rộng các mô hình nhằm nâng cao khả năng chống chịu của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, giám sát các dịch bệnh liên quan đến sự thay đổi của thời tiết và khí hậu	Sở Y tế, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	1.5			Xây dựng và nhân rộng các mô hình vệ sinh môi trường và nước sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và cơ sở y tế	Sở Y tế, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	1.6			Xây dựng, nhân rộng các mô hình về dinh dưỡng, thực phẩm, bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường, công nghệ tái tạo, sử dụng năng lượng sạch thích ứng với biến đổi khí hậu cho cộng đồng và các cơ sở y tế	Sở Y tế, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Triển khai thí điểm cho các vùng, miền	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

II		**Lao động - Xã hội**					
2	2.1	Hoàn thiện hệ thống chính sách và nâng cao năng lực cho các đối tượng dễ bị tổn thương nhằm hạn chế ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến cơ hội việc làm của người dân và tình trạng bình đẳng giới	Thúc đẩy lồng ghép vấn đề ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng trong các chính sách về việc làm	Hoàn thiện chính sách việc làm nhằm khuyến khích tạo việc làm xanh và bền vững	Sở LĐTBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022: Chính sách được ban hành	
	2.2			Xây dựng chính sách thúc đẩy lồng ghép, tạo việc làm xanh và hỗ trợ chuyển đổi việc làm, phát triển sinh kế bền vững cho người dân, đặc biệt là người lao động có đất phải chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc bị tác động của biến đổi khí hậu, các sự cố, thảm họa môi trường	Sở LĐTBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023: Chính sách được ban hành	
	2.3			Xây dựng các chính sách đặc thù hỗ trợ cho các đối tượng dễ bị tổn thương, lồng ghép giới trong triển khai các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở LĐTBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023: Các chính sách được ban hành	
	2.4		Nâng cao năng lực cho phụ nữ, phát triển nguồn nhân lực nữ tham gia vào quá trình thích ứng với biến đổi khí hậu	Xây dựng Đề án truyền thông nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh gồm "Giới và biến đổi khí hậu", "Bình đẳng giới với biến đổi khí hậu"	Sở LĐTBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các lĩnh vực	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	2.5			Đào tạo kỹ năng mềm cho lao động nữ tham gia các ngành kinh tế mới theo hướng thích ứng biến đổi khí hậu	Sở LĐTBXH, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các lĩnh vực	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

III		**Văn hóa - Thể thao - Du lịch**					
3	3.1	Nâng cao năng lực chống chịu của các công trình, địa danh du lịch, di sản văn hóa, di tích lịch sử	Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực văn hóa	Xây dựng đề án duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa trong điều kiện biến đổi khí hậu, chú trọng công tác duy tu, bảo tồn các khu di tích văn hóa	Sở VHTTDL, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023: Đề án được phê duyệt; 2024-2025: Triển khai	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	3.2		Nâng cao khả năng khai thác các hoạt động du lịch trong điều kiện biến đổi khí hậu	Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các khu du lịch, các điểm nghỉ dưỡng nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở VHTTDL, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2023: Quy hoạch được phê duyệt	
	3.3			Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu trong lĩnh vực du lịch, đặc biệt chú trọng đối với các khu, điểm du lịch	Sở VHTTDL, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	3.4			Nâng cấp, cải tạo hệ thống cơ sở hạ tầng, các công trình, di tích văn hóa, lịch sử, thể thao nhằm nâng cao khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở VHTTDL, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	3.5		Bảo tồn phát huy văn hóa truyền thống, tri thức địa phương trong thích ứng biến đổi khí hậu	Xây dựng và nhân rộng các mô hình ổn định đời sống văn hóa tinh thần của cộng đồng địa phương trong quá trình tái định canh, định cư dưới tác động của biến đổi khí hậu nhằm bảo vệ các thiết chế văn hoá cơ sở, bảo	Sở VHTTDL, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá

				tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống, các tri thức địa phương trong thích ứng với biến đổi khí hậu			
	3.6			Tổng kiểm kê, sưu tầm, nghiên cứu tri thức địa phương về thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu; phổ biến tri thức địa phương trong cộng đồng, đặc biệt chú trong vai trò của nghệ nhân và xây dựng mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở VHTTDL, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá
	3.7			Nâng cao năng lực cho cán Sở địa phương nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể trước tác động của biến đổi khí hậu bằng các tri thức địa phương	Sở VHTTDL, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021: Đề án được phê duyệt; 2022-2025: Thí điểm cho các vùng	Mở rộng quy mô, tổng kết, đánh giá